

Bản án số: **181** /2024/HS-ST

Ngày 18 - 9 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân.

2. Bà Lý Ngọc Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T; sinh năm 1986; tại Bạc Liêu; nơi cư trú (Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 (chết) và bà Lê Thị H; có vợ và có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2023 đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Văn H; sinh năm 1992; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Y1 Trịnh Quang N9, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Phan Thị M; có vợ và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo* Nguyễn Văn H1: Bà Phan Thị M, sinh năm 1973; nơi cư trú: Y1 Trịnh Quang N9, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh mẹ ruột của bị cáo H1. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Văn H1: Bà Lê Thị Ngọc N – Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Bá T3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1958; nơi cư trú: A B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ, ngày 22/01/2023, Lê Văn T5 và Nguyễn Văn H1 uống rượu cùng với một số người không rõ lai lịch tại khu vực ngã tư đường Trịnh Quang N9 và đường N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong lúc uống rượu, số người trên đưa tiền và nhờ T5 đi mua xúc xích dầm thì được T5 đồng ý. T5 điều khiển xe mô tô biển số 61N9-3265 chở H1 đến tiệm T6 (không rõ địa chỉ) trên đường Trịnh Quang N9, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để mua đồ thì tiệm đã nghỉ bán nên T5 chở H1 quay về trả lại tiền. Sau đó, T5 điều khiển xe mô tô biển số 61N9-3265 chở H1 đi về nhà; khi cả hai lưu thông đến trước địa chỉ kẻ số G Trịnh Quang N9, Phường G, Quận H thì T5 phát hiện bà Nguyễn Thị T4 đang cầm một túi xách màu xám trên tay trái, đi bộ phía trước nên T5 nảy sinh ý định giật tài sản của bà T4 lấy tiền tiêu xài. Lúc này, T5 rủ H1 giật túi xách của bà T4 thì H1 không đồng ý, do bà T4 là mẹ vợ của H1. Lúc này, T5 điều khiển xe mô tô chở H1 chạy từ phía sau áp sát vào phía bên trái người bà T4 và dùng tay phải giật chiếc túi xách của bà T4 rồi tăng ga bỏ chạy vào khu dân cư H, Phường G, Quận H. Tại đây, T5 dừng xe kiểm tra thấy bên trong túi có 800.000 đồng (gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 01 bao lì xì màu đỏ bên trong có 05 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 01 cuốn sổ dò vé số). T5 cất giữ số tiền 800.000 đồng vào túi quần, còn túi xách và cuốn sổ T5 vứt tại lề đường (không nhớ địa chỉ). T5 chở H1 và sử dụng số tiền vừa cướp giật được mua rượu và đồ ăn hết 100.000 đồng, rồi T5 và H1 mang đến nhậu cùng với những người nêu trên. Bị chiếm đoạt tài sản, ngày 23/01/2023, bà T4 đến Công an xã P9, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo vụ việc. Qua xác minh, Công an xã P9 mời H1 và T5 về trụ sở làm việc. Tạm giữ vật chứng là số tiền 505.000 đồng và phương tiện gây án là xe mô tô biển số 61N9-3265 cùng với quần áo T5 và H1 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. T5 đã sử dụng cá nhân hết khoảng 295.000 đồng. Ngày 24/01/2023, Công an huyện B đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Công an Q để thụ lý theo thẩm quyền. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q, Lê Văn T5 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Đối với Nguyễn Văn H1 khai khi T5 phát hiện bà T4 thì T5 nảy sinh ý định giật tài sản của bà T4 lấy tiền tiêu xài, T5 rủ H1 cướp giật túi xách của bà T4 nhưng H1 không đồng ý. Sau đó,

mặc dù biết số tiền 800.000 đồng do T5 chiếm đoạt của bà T4 mà có nhưng H1 đã cùng T5 sử dụng số tiền trên để mua rượu và đồ ăn chung.

Vật chứng:

- 01 xe gắn máy biển số 61N9-3265, do ông Trần Văn S, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú số 442 Ổ, khu phố T9, phường T8, Thành phố D, tỉnh Bình Dương đứng tên giấy đăng ký xe. Ông S khai từ trước đến nay không đứng chủ sở hữu xe gắn máy nêu trên. T5 khai mua xe gắn máy trên của một người thanh niên (không rõ lai lịch) để sử dụng cho bản thân. Ngày 22/01/2023, T5 sử dụng xe gắn máy làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 16/5/2023 Cơ quan điều tra đăng báo tìm chủ sở hữu xe mô tô biển số 61N9-3265 nhưng đến nay chưa có kết quả.

- 01 nón vải màu đỏ, 01 áo thun ngắn tay màu đỏ, 01 quần sọt màu xanh của Lê Văn T5; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần jean màu xanh dương của Nguyễn Văn H1.

- Số tiền 505.000 đồng do Lê Văn T5 cướp giật của bà Nguyễn Thị T4.

Trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T4 yêu cầu bị cáo Lê Văn T5 bồi thường số tiền 800.000 đồng, bà T4 không đồng ý nhận số tiền 505.000 đồng mà Cơ quan công an đã thu giữ của T5. Riêng chiếc túi xách bà T4 cho biết mua đã lâu, không rõ hiệu và cuốn sổ dò vé số, tất cả không còn giá trị sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 190/CT-VKS-Q8 ngày 05/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Văn T5 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Nguyễn Văn H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn T5 về tội “Cướp giật tài sản”; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Văn T5 từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 1 nón vải màu đỏ, 01 áo thun ngắn tay màu đỏ, 01 quần sọt màu xanh của Lê Văn T5 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần jean màu xanh dương của Nguyễn Văn H1 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy; 01 xe gắn máy biển số 61N9-3265 đề nghị tiếp tục tạm giữ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo quy định pháp luật, nếu không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T4 số tiền 505.000 đồng mà Cơ quan công an đã thu giữ của T5 đang giữ tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 8. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Lê Văn T5 bồi thường cho bà Nguyễn Thị T4 số tiền 295.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1 là bà Lê Thị Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa, được bị cáo Nguyễn Văn H1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn H1 là bà Phan Thị M đồng ý việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa. Đồng thời, người bào chữa đã gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1 như sau: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H1. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cần xem xét để được khoan hồng như: Khi phạm tội, bị cáo là bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình gây ra. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án thấp nhất.

Bị cáo H1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo H1 là bà Phan Thị M không bổ sung lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 22/01/2023, tại trước địa chỉ số G đường Trịnh Quang

N9, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Văn T5 có hành vi điều khiển xe gắn máy công khai chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị T4 rồi nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà T4 là 01 chiếc túi xách bên trong túi có 01 cuốn sổ dò vé số và số tiền 800.000 đồng. Bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện phạm tội nên thuộc trường hợp “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”, đây là tình tiết định khung hình phạt của tội “Cướp giật tài sản”.

Đối với Nguyễn Văn H1, khi T5 nảy sinh ý định giật tài sản của bà T4 lấy tiền tiêu xài, T5 rủ H1 cướp giật túi xách của bà T4 nhưng H1 không đồng ý. Sau đó, mặc dù bị cáo H1 không hứa hẹn trước nhưng biết rõ tiền 800.000 đồng là do T5 cướp giật của bà T4 mà có nhưng H1 đã cùng T5 sử dụng số tiền 100.000 đồng trong số tiền trên để mua rượu và đồ ăn chung.

[3] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

[4] Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” như sau:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lê Văn T5 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của bị cáo Nguyễn

Văn H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều nghiện rượu, không có nghề nghiệp và không được đi học nên nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo T5 phạm tội lần đầu; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi một phần để trả cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Qua kết quả giám định ngày 23/01/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh thì trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H1 hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm các điểm i, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H1.

[8] Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1 là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

- 1 nón vải màu đỏ, 01 áo thun ngắn tay màu đỏ, 01 quần sọt màu xanh của Lê Văn T5 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần jean màu xanh dương của Nguyễn Văn H1 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội là vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe gắn máy biển số 61N9-3265, hiện chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên cần tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp xe trên trong thời hạn 01 năm. Hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

- Số tiền 505.000 đồng mà Cơ quan công an đã thu giữ của T5, đang giữ tại Kho bạc nhà nước Q1. Xét đây là một phần tiền do Lê Văn T5 cướp giật của bà Nguyễn Thị T4 nên trả lại số tiền này cho bà T4.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại là 295.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của bị hại phù hợp cũng như được bị cáo đồng ý, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 587, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 295.000 đồng.

[12] Ngoài số tiền 800.000 đồng bị chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T4 đã được xác định như trên, bà T4 không yêu cầu bồi thường các tài sản mà bị cáo T5 vứt bỏ (01 túi xách và 01 cuốn sổ dò vé số) không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo Lê Văn T5 phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn T5 03 (ba) năm (09 (chín) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/02/2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, các điểm i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cái nón vải màu đỏ, bên trong có ghi chữ Alo Tour, 01 cái áo thun ngắn tay màu đỏ, 01 quần sọt màu xanh.

- 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần jean màu xanh dương.

Tiếp tục tạm giữ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 năm tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của 01 xe gắn máy biển số 61N9-3265, số máy: 000965, số khung: 00965. Hết thời hạn trên không tìm được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

(Tất cả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/10/2023).

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468, 590 của Bộ luật Dân sự.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T4 số tiền 505.000 (năm trăm lẻ năm ngàn) đồng, là tiền do Lê Văn T5 cướp giật của bà Nguyễn Thị T4, đang giữ tại Kho bạc nhà nước Quận 8 theo giấy nộp tiền ngày 18/7/2023.

Buộc bị cáo Lê Văn T5 bồi thường cho bà Nguyễn Thị T4 số tiền 295.000 (hai trăm chín mươi lăm ngàn) đồng. Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Lê Văn T5 và Nguyễn Văn H1 nộp 200.000 đồng án phí hình sự. Buộc bị cáo Lê Văn T5 nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53.
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc